



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5 – 7
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	8 – 45
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	8 – 11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	13 – 14
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	15 – 44
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	45



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600116271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 07 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07: 125.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Điện thoại : (0210) 3885 310
Fax : (0210) 3884 023
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 1 6 2 7 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Tạ Đức Thiện	Trưởng Ban
Ông Triệu Quang Nhân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Tuyên	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Anh Phương	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 535.359.838.638 đồng và 561.214.811.221 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (447.145.568.952) đồng và (489.484.151.033) đồng, tương ứng (358%) và (392%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (317.296.167.030) đồng và (359.634.749.111) đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch đầu tư nâng cấp và mở rộng sản xuất bằng việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác để cải tạo, nâng cấp công suất lò nung và lắp đặt trạm nghiền xi măng. Bên cạnh đó, Công ty ký kết các văn bản thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và các khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được các Ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phú Thọ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

Số : 3006.02.04/2025/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 từ trang 08 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

[T] (84 24) 3761 3399**[W]** www/vpaudit.vn**[F]** (84 24) 3761 5599**[E]** vpa@ntva.vn**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ, dự phòng nợ phải khó đòi cần trích lập của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2024, bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 8,07 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 10,04 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 54,76 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 6,86 tỷ VND và tại thời điểm 31/12/2025, bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 8,15 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 10,06 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 48,04 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 6,93 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025.

Theo thuyết minh số V.11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên. Bằng các thủ tục thay thế khác chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng nếu có của khoản trích lập dự phòng tổn thất đầu tư của khoản đầu tư trên đối với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025.

Tại thời điểm 31/12/2025, số lỗ lũy kế là (489.484.151.033) đồng vượt (364.484.151.033) đồng so với vốn đầu tư của chủ sở hữu (Chiếm (392%) vốn đầu tư chủ sở hữu). Nợ phải trả vượt quá tổng tài sản 359.634.749.111 đồng, hoạt động kinh doanh thua lỗ nhiều năm liên tiếp (Năm 2025 là (42.338.582.081) đồng). Năm 2025, nhiều khoản nợ quá hạn nhưng chưa được thanh toán, công ty đã không còn nhận được khoản hỗ trợ vốn từ phía ngân hàng. Các yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi không có đủ cơ sở để khẳng định Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh số V.4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải thu khác đối tượng "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" số tiền 6,9 tỷ. Đây là tiền để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định xử lý trong thời gian sắp tới.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tuấn
GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thủy
GCNĐKHNKT số: 6229-2023-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.080.153.776	60.613.522.002
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.989.832	6.357.730.062
1. Tiền	111		59.989.832	6.357.730.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.495.463.530	34.116.894.927
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.358.553.075	12.563.061.658
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.694.920.048	13.015.091.837
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	14.309.415.831	13.394.159.221
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(6.034.523.741)	(5.022.516.106)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		167.098.317	167.098.317
IV. Hàng tồn kho	140		17.923.737.804	19.524.663.031
1. Hàng tồn kho	141	V.6	17.923.737.804	19.524.663.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		600.962.610	614.233.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	532.496.749	545.768.121
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.465.861	68.465.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		229.080.062.110	257.063.671.608
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		465.000.000	355.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.4b	465.000.000	355.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		204.633.048.535	229.557.035.921
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.8	204.633.048.535	229.557.035.921
<i>Nguyên giá</i>		222		571.088.939.527	571.088.939.527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(366.455.890.992)	(341.531.903.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>		228		160.000.000	160.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(160.000.000)	(160.000.000)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		21.990.454.612	21.990.454.612
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.10	21.990.454.612	21.990.454.612
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	V.11	1.751.683.953	2.033.106.293
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		(1.748.316.047)	(1.466.893.707)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		239.875.010	3.128.074.782
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.7b	239.875.010	3.128.074.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		285.160.215.886	317.677.193.610

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		644.794.964.997	634.973.360.640
I. Nợ ngắn hạn	310		617.294.964.997	595.973.360.640
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	75.971.280.348	83.428.291.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	20.290.439.651	29.366.452.258
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	29.822.376.917	25.882.183.296
4. Phải trả người lao động	314		5.694.232.231	7.018.694.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	74.788.862.179	69.032.423.481
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	445.293.732	402.529.565
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	197.887.147.765	184.956.605.887
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	212.395.332.174	195.886.179.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.500.000.000	39.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	27.500.000.000	39.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

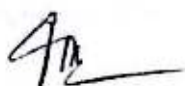
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(359.634.749.111)	(317.296.167.030)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(359.634.749.111)	(317.296.167.030)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.212.934.000	3.212.934.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.328.707.922	5.328.707.922
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(489.484.151.033)	(447.145.568.952)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(447.145.568.952)	(444.750.599.212)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.160.215.886	317.677.193.610

Người lập biểu



Phan Thị Hương

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.636.156.763	159.641.361.029
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.636.156.763	159.641.361.029
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	157.640.313.791	162.680.244.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.004.157.028)	(3.038.883.667)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	579.898	321.541
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.391.433.484	22.673.629.688
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.211.322.951	17.933.070.821
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.650.502.236	1.589.300.412
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.632.583.603	11.365.667.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.678.096.453)	(38.667.159.364)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	385.234.372	36.351.779.624
12. Chi phí khác	32	VI.8	45.720.000	79.590.000
13. Lợi nhuận khác	40		339.514.372	36.272.189.624
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(3.490)	(197)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(3.490)	(197)

Người lập biểu

Phan Thị Hương

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		24.923.987.386	24.982.914.639
- Các khoản dự phòng	03		1.293.429.975	31.325.531
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.898.688.193	4.709.233.336
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(579.898)	(321.541)
- Chi phí lãi vay	06		16.211.322.951	17.933.070.821
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.988.266.526	45.261.253.046
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.500.576.238)	3.626.893.970
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.600.925.227	(1.741.708.793)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.168.454.623)	(5.766.142.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.901.471.144	5.629.642.831
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.026.700)	(35.863.537.624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.179.394.664)	11.146.400.928
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(107.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		579.898	321.541
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		579.898	(107.478.459)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.485.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(119.230.000)	(6.246.492.600)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(119.230.000)</i>	<i>(4.761.492.600)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.298.044.766)	6.277.429.869
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.357.730.062	79.738.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		304.536	561.600
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	59.989.832	6.357.730.062

Người lập biểu

Phan Thị Hương

Kế toán trưởng

Vũ Anh Phương

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Trưởng Giám đốc

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh xi măng
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB 40; PCB 30; Clinker thương phẩm;
 - Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông;
 - Kinh doanh các vật liệu xây dựng khác./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh khai thác nguyên vật liệu	Xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 131 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	38.292.432	143.524.121
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.697.400	6.214.205.941
Cộng	59.989.832	6.357.730.062

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Thành Trang	3.196.288.260	3.186.858.260
Các khách hàng khác	8.162.264.815	9.376.203.398
Cộng	11.358.553.075	12.563.061.658

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển NASOCO	1.649.393.209	1.649.393.209
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 268	4.729.172.442	4.729.172.442
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và TM Quỳnh Anh	2.436.573.433	2.436.573.433
Công ty Cổ phần Xây dựng và TM Thành Trang	7.637.295.634	2.947.793.199
Các nhà cung cấp khác	1.242.485.330	1.252.159.554
Cộng	17.694.920.048	13.015.091.837

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Ban quản lý dự án Xi măng lò quay (*)	6.902.725.451	-	6.902.725.451	-
Phải thu tiền, vật tư của các Phân xưởng	57.931.488	-	57.136.687	-
Phải thu Công ty Cơ khí nặng Triệu Dương về tiền ăn ca	543.410.000	-	543.410.000	-
Phải thu tiền tạm ứng	4.095.050.359	-	4.073.308.169	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.710.298.533	-	1.817.578.914	-
Cộng	14.309.415.831	-	13.394.159.221	-

(*) Khoản phải thu "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" là tiền để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	465.000.000	-	355.000.000	-
Cộng	465.000.000	-	355.000.000	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.845.953.646	-	10.616.470.264	-
Công cụ, dụng cụ	197.792.437	-	176.000.619	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.070.113.100	-	1.052.866.107	-
Thành phẩm	3.856.193.859	-	6.316.246.555	-
Hàng hóa	5.938.247	-	5.938.247	-
Hàng gửi đi bán	2.947.746.515	-	1.357.141.239	-
Cộng	17.923.737.804	-	19.524.663.031	-

7. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	41.821.000	129.803.108
Công cụ dụng cụ	446.342.421	374.297.372
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.333.328	41.667.641
Cộng	532.496.749	545.768.121

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bi nghiên	-	1.165.797.690
Chi phí sửa chữa	-	823.281.746
Công cụ dụng cụ	239.875.010	1.060.552.951
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	78.442.395
Cộng	239.875.010	3.128.074.782

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc			Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Phương tiện vận tải, truyền dẫn			
Nguyên giá	154.889.203.777	408.181.613.789	7.536.897.711	376.262.077	104.962.173	571.088.939.527
Số đầu năm	154.889.203.777	408.181.613.789	7.536.897.711	376.262.077	104.962.173	571.088.939.527
Số cuối năm						
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	23.243.866.178	26.046.803.058	6.385.274.984	376.262.077	104.962.173	56.157.168.470
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	87.665.575.806	246.567.970.046	6.817.133.504	376.262.077	104.962.173	341.531.903.606
Khấu hao trong năm	5.551.397.208	19.257.427.906	115.162.272	-	-	24.923.987.386
Số cuối năm	93.216.973.014	265.825.397.952	6.932.295.776	376.262.077	104.962.173	366.455.890.992
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	67.223.627.971	161.613.643.743	719.764.207	-	-	229.557.035.921
Số cuối năm	61.672.230.763	142.356.215.837	604.601.935	-	-	204.633.048.535

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 563.859.644.436 VND và 201.086.560.067 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	21.400.312.529	21.400.312.529
Dự án mỏ Phụ gia Tiêu Sơn ⁽¹⁾	581.969.191	581.969.191
Mở rộng đường vào tại Chi nhánh Khai thác đá ⁽²⁾	205.377.122	205.377.122
Dự án mở rộng mỏ đá vôi ⁽³⁾	20.612.966.216	20.612.966.216
Sửa chữa lớn tài sản cố định	590.142.083	590.142.083
Cộng	21.990.454.612	21.990.454.612

⁽¹⁾ Dự án Mỏ Phụ gia Tiêu Sơn đang tạm ngừng do chưa hoàn thành xong thủ tục về cấp quyền khai thác.

⁽²⁾ Dự án đường vào Chi nhánh khai thác đá đang tạm ngừng do vướng một số hộ dân chưa di dời được.

⁽³⁾ Dự án mở rộng mỏ đá vôi của Công ty tại địa bàn xã Ninh Dân và xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ với các thông tin chi tiết như sau:

+ Tổng mức đầu tư: Tổng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư là 16.120.316.171 đồng; Ngoài ra còn có các chi phí xây dựng khác;

+ Thời gian bắt đầu triển khai dự án vào cuối năm 2016; Thời gian dự kiến hoàn thành năm 2021

Tình trạng dự án: Đã hoàn thành các nội dung cơ bản, đang chờ nghiệm thu quyết toán công trình.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên (1)	500.000.000	-	500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.000.000.000	(1.748.316.047)	3.000.000.000	(1.466.893.707)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (2)	3.000.000.000	(1.748.316.047)	3.000.000.000	(1.466.893.707)
Cộng	3.500.000.000	(1.748.316.047)	3.500.000.000	(1.466.893.707)

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên, tổng giá trị đầu tư là 500.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 35%.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, tổng giá trị đầu tư là 3.000.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích là 0,47%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.769.745.005</i>	<i>16.708.313.753</i>
Công ty Cổ phần IDC	7.777.467.394	10.454.787.394
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phương Tùng	3.992.277.611	6.253.526.359
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>64.201.535.343</i>	<i>66.719.978.153</i>
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	11.293.677.445	11.293.677.445
Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội	21.262.857.095	21.262.857.095
Các nhà cung cấp khác	31.645.000.803	34.163.443.613
Cộng	75.971.280.348	83.428.291.906

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>3.155.314.600</i>
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phương Tùng	-	3.155.314.600
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>20.290.439.651</i>	<i>26.211.137.658</i>
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh	6.614.046.000	6.614.046.000
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Vinh	9.009.087.007	9.444.201.707
Các khách hàng khác	4.667.306.644	10.152.889.951
Cộng	20.290.439.651	29.366.452.258

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.995.766.853	2.308.587.593	(1.088.000.000)	7.216.354.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.484.525	-	-	165.484.525
Thuế thu nhập cá nhân	850.857.870	-	(132.264.378)	718.593.492
Thuế tài nguyên	9.951.428.676	876.625.420	-	10.828.054.096
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	6.649.393.500	1.002.832.000	(80.000.000)	7.572.225.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	871.900.026	683.573.302	(90.262.477)	1.465.210.851
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.397.351.846	553.102.161	(94.000.000)	1.856.454.007
Cộng	25.882.183.296	5.424.720.476	(1.484.526.855)	29.822.376.917

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.207.777.800</i>	<i>779.702.100</i>
Phải trả lãi vay thành viên ban lãnh đạo	1.207.777.800	779.702.100
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>73.581.084.379</i>	<i>68.252.721.381</i>
Chi phí lãi vay cá nhân	2.643.900	2.395.000
Phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc về lãi vay tạm tính (*)	65.490.100.549	61.490.100.549
Phải trả nhà cung cấp xây dựng cơ bản, khối lượng hàng nhập tạm ghi nhận	8.088.339.930	6.760.225.832
Cộng	<u>74.788.862.179</u>	<u>69.032.423.481</u>

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 31/12/2025, không tính lãi phạt quá hạn.

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là Doanh thu nhận trước về số tiền hàng khách trả trước cho hàng hóa chưa lấy.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	232.468.868	232.468.868
Kính phí công đoàn	3.327.953.049	3.213.648.043
Bảo hiểm xã hội	2.046.116.509	2.429.023.337
Bảo hiểm y tế	27.992.143	30.990.151
Bảo hiểm thất nghiệp	11.800.548	13.125.844
Phải trả về cổ phần hóa	3.902.216.322	3.902.216.322
Phải trả tiền cổ tức	3.143.175.000	3.143.175.000
Phải trả lãi vay ngân hàng	179.395.889.034	166.008.417.900
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)</i>	<i>119.388.816.987</i>	<i>108.818.382.060</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (**)</i>	<i>60.007.072.047</i>	<i>57.190.035.840</i>
Lãi phải trả Công ty Cổ phần Constrexim số 1	4.562.133.147	4.562.133.147
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.237.403.145	1.421.407.275
Cộng	<u>197.887.147.765</u>	<u>184.956.605.887</u>

(*) Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 31/12/2025, không tính lãi phạt quá hạn.

(**) Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tạm tính theo lãi suất quy định trên Hợp đồng tính đến ngày 31/12/2025, không tính lãi phạt quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

a) Ngân hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Vay thành viên ban lãnh đạo ⁽²⁾	-	-	110.626.900	110.626.900
Ông Nguyễn Phi Tuyền	-	-	110.626.900	110.626.900
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngân hàng	212.395.332.174	200.895.332.174	195.775.552.537	195.775.552.537
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽¹⁾	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584	11.374.442.584
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ⁽²⁾	260.765.600	260.765.600	252.971.700	252.971.700
Vay dài hạn đến hạn trả	200.760.123.990	189.260.123.990	184.148.138.253	184.148.138.253
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽³⁾	70.119.272.092	58.619.272.092	58.619.272.092	58.619.272.092
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽³⁾	68.563.649.348	68.563.649.348	66.056.943.333	66.056.943.333
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	62.077.202.550	62.077.202.550	59.471.922.828	59.471.922.828
Cộng	212.395.332.174	200.895.332.174	195.886.179.437	195.886.179.437

⁽¹⁾ Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/HĐTD ngày 17/09/2015, hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 VND bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/399179/HĐTD ngày 28/8/2014 sang. Mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2016, đến 31/12/2025 khoản vay trên đã đến hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Lãi suất cho vay áp dụng lại suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HD ngày 28/12/2012, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 22.535.370.000 VND.

⁽²⁾ Khoản vay ngắn hạn các cá nhân thời hạn vay từ 3 - 12 tháng, lãi suất 10 - 12%/năm, cho vay theo hình thức tín chấp, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

⁽³⁾ Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐ ngày 26/09/2007 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2015/399179/SDHD ngày 31/03/2015. Số tiền vay tối đa

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

100.000.000.000 VND bao gồm cả ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 28/03/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐTC ngày 06/03/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 15/10/2021 đã ký giữa ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Vĩnh Phúc. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 68.563.649.348 VND, trong đó có 2.589.572,33 USD tương ứng với 68.305.149.348 VND và 258.500.000 VND.

(4) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng số 0180707/HĐTD2-VIB ngày 03/08/2007 và Biên bản về việc thỏa thuận về việc xử lý thu hồi nợ ngày 08/01/2014. Số tiền vay 125.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, lãi suất áp dụng cố định trên từng giấy nhận nợ; thời hạn cho vay 240 tháng. Đến 31/12/2025 khoản vay trên đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 28/03/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐTC ngày 06/03/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 15/10/2021 đã ký giữa ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Vĩnh Phúc. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 62.077.202.550 VND, tương ứng với 2.353.459,55 USD.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Lãi tiền vay nhập gốc	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Tăng do đánh giá lại CLTG	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.374.442.584	-	-	-	-	-	11.374.442.584
Vay ngắn hạn các cá nhân là bên liên quan	110.626.900	-	8.603.100	-	(119.230.000)	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	252.971.700	-	7.793.900	-	-	-	260.765.600
Vay dài hạn đến hạn tra	184.148.138.253	-	-	11.500.000.000	-	5.111.985.737	200.760.123.990
Cộng	195.886.179.437	-	16.397.000	11.500.000.000	(119.230.000)	5.111.985.737	212.395.332.174

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Vay ông Nguyễn Khắc Lâm ⁽⁶⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay dài hạn ngân hàng	22.500.000.000	22.500.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽⁵⁾	22.500.000.000	22.500.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
Cộng	27.500.000.000	27.500.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000

(5) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 04F/2007/HĐTD-TĐII ngày 25/10/2007 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04F/2007/HĐTD-TĐII ngày 31/12/2015. Mục đích vay để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, thời hạn vay 240 tháng, lãi phát sinh thực hiện trả hàng tháng trên dư nợ vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền Clinker 1.200 tấn/h trên cơ sở Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 28/03/2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐTC ngày 06/03/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản và các quyền tài sản hình thành trong tương lai ngày 15/10/2021 đã ký giữa ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Vĩnh Phúc.

(6) Khoản vay dài hạn cá nhân thời hạn vay 3 năm, lãi suất từ 8,5%/năm, cho vay theo hình thức tín chấp, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	34.000.000.000	-	(11.500.000.000)	22.500.000.000
Cộng	39.000.000.000	-	(11.500.000.000)	27.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
						Cộng
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(444.750.599.212)	(314.901.197.290)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.394.969.740)	(2.394.969.740)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(447.145.568.952)	(317.296.167.030)
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(447.145.568.952)	(317.296.167.030)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(42.338.582.081)	(42.338.582.081)
Số dư cuối năm nay	125.000.000.000	3.212.934.000	(3.692.240.000)	5.328.707.922	(489.484.151.033)	(359.634.749.111)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Ông Triệu Quốc Hoàn	6.604.500.000	5,28%	6.604.500.000	5,28%
Ông Trần Tuấn Đạt	8.855.500.000	7,08%	8.845.000.000	7,08%
Ông Triệu Quang Thuận	14.516.500.000	11,61%	14.516.500.000	11,61%
Vốn góp của các cổ đông khác	91.331.260.000	73,07%	91.341.760.000	73,07%
Cổ phiếu quỹ	3.692.240.000	2,95%	3.692.240.000	2,95%
Cộng	125.000.000.000	100,00%	125.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	12.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.224	369.224
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	369.224	369.224
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.130.776	12.130.776
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.130.776	12.130.776
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		
20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	365,15	365,15

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	152.636.156.763	159.641.361.029
Doanh thu bán thành phẩm	152.626.838.237	159.603.097.047
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.318.526	38.263.982
Cộng	152.636.156.763	159.641.361.029

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	134.769.021.658	136.697.972.836
Giá vốn trong thời gian ngừng sản xuất	22.871.292.133	25.982.271.860
Cộng	157.640.313.791	162.680.244.696

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	579.898	321.541
Cộng	579.898	321.541

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.211.322.951	17.933.070.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.898.688.193	4.709.233.336
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	281.422.340	31.325.531
Cộng	23.391.433.484	22.673.629.688

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	760.910.300	892.675.600
Chi phí vật liệu, bao bì	500.782	87.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.127.843	330.359.540
Các chi phí khác	320.963.311	366.178.000
Cộng	1.650.502.236	1.589.300.412

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.696.818.381	5.675.554.461
Chi phí vật liệu quản lý	384.784.677	402.399.897
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.071.067	92.186.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.119.876	385.119.876
Thuế, phí và lệ phí	1.785.888.016	1.440.287.212
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.012.007.635	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.634.583.322	2.095.656.548
Các chi phí khác	1.648.310.629	1.274.462.294
Cộng	12.632.583.603	11.365.667.138

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý phế liệu	368.060.000	788.550.000
Thu nhập khác	17.174.372	300.000
Xóa nợ lãi (*)	-	35.562.929.624
Cộng	385.234.372	36.351.779.624

(*) Theo thông báo số 200/TB – NHPT.PTH – YBA ngày 24/09/2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ về việc xóa số nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thu đến hết ngày 21/12/2023 của dự án Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày.

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí ủng hộ, trợ cấp	45.720.000	20.590.000
Xử phạt vi phạm hành chính	-	50.000.000
Chi phí khác	-	9.000.000
Cộng	45.720.000	79.590.000

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	22.917.012.133	26.121.861.860
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	22.917.012.133	26.121.861.860
Chi phí không hợp lệ	22.871.292.133	25.982.271.860
	45.720.000	139.590.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(19.421.569.948)	23.726.892.120
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(23.726.892.120)
Thu nhập tính thuế	(19.421.569.948)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(42.338.582.081)	(2.394.969.740)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.130.776	12.130.776
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(3.490)	(197)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.130.776	12.130.776
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.130.776	12.130.776

11. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.637.798.532	92.885.079.161
Chi phí nhân công	11.678.965.016	12.834.127.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.923.987.386	24.982.914.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.773.653.580	7.713.137.067
Chi phí khác	11.185.502.556	14.008.135.740
Cộng	148.199.907.070	152.423.394.286

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay nhập gốc	16.397.000	278.883.500
Gốc vay đánh giá lại	5.111.985.737	-
Lãi vay đánh giá lại	1.621.896.483	-
Cộng	6.750.279.220	278.883.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các cá nhân liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT
Ông Tạ Trung Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Trần Tuấn Đạt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng BKS
Ông Triệu Quang Nhân	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên BKS
Ông Vũ Anh Phương	Kế toán trưởng

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	Năm nay	Năm trước
Ông Triệu Quang Thuận	316.486.600	204.723.000
Ông Trần Tuấn Đạt	270.305.500	173.839.800
Bà Trần Thị Phương Linh	196.199.700	111.708.400
Ông Nguyễn Phi Tuyên	198.097.800	132.165.100
Ông Phạm Quang Anh	48.000.000	48.000.000
Ông Tạ Trung Hiếu	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Khắc Lâm	48.000.000	48.000.000
Ông Vũ Anh Phương	203.845.100	112.310.800
Ông Tạ Đức Thiệm	48.000.000	48.000.000
Ông Triệu Quang Nhân	24.000.000	24.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Yên	24.000.000	24.000.000
Cộng	1.424.934.700	974.747.100

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Vay tiền	-	485.000.000
Lãi vay nhập gốc	8.603.100	23.711.600
Trả tiền vay	119.230.000	498.144.500
Phải trả tiền lãi vay	429.102.400	432.353.400
Trả lãi vay	1.026.700	200.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày chi tiết ở thuyết minh số V.15, V.18a và V.18b.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần IDC	Ông Nguyễn Khắc Lâm - Thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Phương Tùng	Con dâu ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần IDC		
Phải thu tiền bán hàng	177.320.000	67.584.000
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	177.320.000	67.584.000
Trả tiền mua hàng	2.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Phương Tùng		
Phải thu tiền bán xi măng	22.435.640.800	32.916.627.696
Thu tiền bán xi măng	13.798.000.000	25.000.000.000
Phải trả tiền mua hàng	3.221.077.452	4.337.242.297
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	5.482.326.200	8.056.279.611

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày chi tiết ở thuyết minh số V.12 và V.13.

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty trong năm là lĩnh vực sản xuất xi măng, chiếm gần 100% doanh thu trong năm, các hoạt động khác là không đáng kể, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mô thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	212.395.332.174	27.500.000.000	-	239.895.332.174
Phải trả người bán	75.971.280.348	-	-	75.971.280.348
Các khoản phải trả khác	278.370.242.175	-	-	278.370.242.175
Cộng	566.736.854.697	27.500.000.000	-	594.236.854.697
Số đầu năm				
Vay và nợ	195.886.179.437	39.000.000.000	-	234.886.179.437
Phải trả người bán	83.428.291.906	-	-	83.428.291.906
Các khoản phải trả khác	261.007.724.178	-	-	261.007.724.178
Cộng	540.322.195.521	39.000.000.000	-	579.322.195.521

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.989.832	6.357.730.062	59.989.832	6.357.730.062
Phải thu khách hàng	5.324.029.334	7.540.545.552	5.324.029.334	7.540.545.552
Các khoản phải thu khác	14.774.415.831	13.749.159.221	14.774.415.831	13.749.159.221
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.751.683.953	2.033.106.293	1.751.683.953	2.033.106.293
Cộng	21.910.118.950	29.680.541.128	21.910.118.950	29.680.541.128
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	239.895.332.174	234.886.179.437	239.895.332.174	234.886.179.437
Phải trả người bán	75.971.280.348	83.428.291.906	75.971.280.348	83.428.291.906
Các khoản phải trả khác	278.370.242.175	261.007.724.178	278.370.242.175	261.007.724.178
Cộng	594.236.854.697	579.322.195.521	594.236.854.697	579.322.195.521

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 535.359.838.638 đồng và 561.214.811.221 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (447.145.568.952) đồng và (489.484.151.033) đồng, tương ứng (358%) và (392%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (317.296.167.030) đồng và (359.634.749.111) đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty ký kết các văn bản thỏa thuận với các nhà cung cấp lớn, các đại lý và các khách hàng truyền thống để kéo giãn lịch trả nợ, nhận ứng trước tiền hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các phương án kinh doanh của Công ty đã được các Ngân hàng tín dụng thẩm định và xem xét giãn thời gian trả nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, tạo điều kiện để Công ty tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ ngân hàng.

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

9. Thông tin so sánh

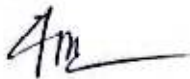
Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hương

Vũ Anh Phương

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Xã Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
UBND Huyện Lâm Thao	Quá hạn trên 3 năm	468.063.857	(468.063.857)	Quá hạn trên 3 năm	115.795.747	(115.795.747)
Công ty XNK và XD-Tổng Công ty XD Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	364.200.000	(364.200.000)	Quá hạn trên 3 năm	364.200.000	(364.200.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư PTXD Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	341.837.354	(341.837.354)	Quá hạn trên 3 năm	341.837.354	(341.837.354)
Công ty Xây dựng Nông lâm nghiệp Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	311.301.205	(311.301.205)	Quá hạn trên 3 năm	311.301.205	(311.301.205)
UBND Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	305.318.580	(305.318.580)	Quá hạn trên 3 năm	152.694.190	(152.694.190)
UBND Huyện Hạ Hoà	Quá hạn trên 3 năm	260.057.121	(260.057.121)	Quá hạn trên 3 năm	117.451.612	(117.451.612)
Nguyễn Xuân Dân, Tiêu Thụ	Quá hạn trên 3 năm	239.819.764	(239.819.764)	Quá hạn trên 3 năm	239.819.764	(239.819.764)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 268 - Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	201.684.985	(201.684.985)	Quá hạn trên 3 năm	201.684.985	(201.684.985)
Công ty Cổ phần LILAMA - Hoàng Mai - HN	Quá hạn trên 3 năm	193.825.819	(193.825.819)	Quá hạn trên 3 năm	193.825.819	(193.825.819)
Công ty Cổ phần Cường Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	163.512.001	(163.512.001)	Quá hạn trên 3 năm	163.512.001	(163.512.001)
Phùng Đức Thiện - Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 PT	Quá hạn trên 3 năm	138.716.346	(138.716.346)	Quá hạn trên 3 năm	138.716.346	(138.716.346)
Công ty Cổ phần Thanh Nhân	Quá hạn trên 3 năm	133.012.000	(107.108.400)	Quá hạn trên 3 năm	107.108.400	(107.108.400)
Công ty Thành Đăng Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	125.740.102	(125.740.102)	Quá hạn trên 3 năm	125.740.102	(125.740.102)
Vi Đức Thọ - Công ty XD số 1 Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	111.451.243	(111.451.243)	Quá hạn trên 3 năm	111.451.243	(111.451.243)
Các đối tượng khác		2.823.390.459	(2.701.886.964)		2.337.377.338	(2.337.377.338)
Cộng		6.181.930.836	(6.034.523.741)		5.022.516.106	(5.022.516.106)

